TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 26 - 5 - 2020.
"V/v Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm hân dân:

1. Ông Trương Vĩnh Mai.

2. Ông Nguyễn Hữu Long.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà L - Sinh năm 1993 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông H – Sinh năm 1991 (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Số nhà X đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà L trình bày có nội dung như sau:

Tôi và ông H tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/9/2012.

Quá trình chung sống, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn gay gắt dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chúng tôi bất đồng quan điểm

sống, tính cách không hợp nhau. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Tôi và ông H có ba con chung là cháu M – Sinh ngày 19/11/2013, A – Sinh ngày 10/02/2017 và Đ – Sinh ngày 12/6/2015. Do công việc tôi phải đi làm xa nên nguyện vọng của tôi là giao ba con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi tự nguyện cấp dưỡng để nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/ 01 cháu/ tháng cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông H không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông H, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn và con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông H vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/9/2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên giữa bà L và ông H xảy ra mâu thuẫn. Bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Quá trình chung sống tại địa phương, giữa bà L và ông H xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân vì sao thì địa phương không nắm được. Bà L có yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải nhưng ông H không tham gia hòa giải, nên tổ hòa giải không tiến hành hòa giải được. Bà

L yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho ly hôn với ông H thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông H là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà L và ông H có ba con chung là cháu M – Sinh ngày 19/11/2013, A – Sinh ngày 10/02/2017 và Đ – Sinh ngày 12/6/2015. Do thường xuyên đi làm xa nên bà L có nguyện vọng giao cả ba con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy cháu A là con gái và còn nhỏ tuổi, do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao con chung cháu A cho bà L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao cháu M và Đ cho ông H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc bà L tự nguyện cấp dưỡng để nuôi con chung. Bà L có trách nhiệm cấp dưỡng để nuôi cháu M và Đ, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/ 01 cháu/ 01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu M và Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông H.

Bà L được ly hôn với ông H.

- Về con chung:

Giao con chung cháu A – Sinh ngày 10/02/2017 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao con chung cháu M – Sinh ngày 19/11/2013 và Đ – Sinh ngày 12/6/2015 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M, Đ trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà L có trách nhiệm cấp dưỡng để nuôi cháu M – Sinh ngày 19/11/2013, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Bà L có trách nhiệm cấp dưỡng để nuôi cháu Đ – Sinh ngày 12/6/2015, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà D đã nộp thay bà L tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0005788 ngày 11 tháng 02 năm 2020.

Bà L còn phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường T, TP.BMT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đông